

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THO**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12/8/2020

*V/V tranh chấp "Hôn nhân và
gia đình"*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THO**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Khoa Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Ông **Đỗ Minh Thân**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Dương Thị Thanh Hoa** - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia
phiên tòa:*** Bà **Hoàng Thị Thùy** - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2020/TLST- HNGĐ ngày 09/3/2020 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2020/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2020/QĐHPT - TA ngày 22/7/2020. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Quang H**, sinh năm 1995 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu 4 xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H1**, sinh năm 1994 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu 4 xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Trần Quang H:

Ông **Vũ Đình Trung** - Luật sư (Có mặt).

Địa chỉ: Công ty Luật hợp danh Hùng Vương Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn: Trong đơn khởi kiện ngày 06/3/2020, các bản tự khai tại Tòa án và biên bản hòa giải anh Trần Quang H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang H kết hôn với chị Nguyễn Thị Thu H1 ngày 13/3/2014. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr (nay là xã Đ), huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với gia đình anh một thời gian thì chị H1 sinh con, tháng 6/2014 anh đi xuất khẩu lao động tại nước Nga chị H1 và con vẫn tiếp tục ở chung với gia đình anh. Trong thời gian ở nước Nga từ năm 2014 đến năm 2019 anh vẫn gửi tiền về cho mẹ đẻ anh bà (Nguyễn Thị B) để nuôi con và đóng tiền học cho con. Thời gian ở nước Nga vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn, đến

năm 2017 chị H1 đã bế con về nhà ngoại ở không nói với anh, đến tháng 12/2019 anh trở về nước nhưng chị H1 vẫn không về chung sống với anh. Anh xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm không thể sống chung với nhau được nữa, nay anh xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H1. Hiện nay anh đi làm sự kiện cho các Hội nghị và đám cưới cho chị gái Trần Thị Y và anh rể Nguyễn Văn P với mức thu nhập 10.000.000đ/ 1 tháng.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 người con chung là cháu Trần Minh T, sinh ngày 14/5/2014 đang ở với chị H1. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu T không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Trần Quang H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung vợ chồng, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Anh Trần Quang H không đề nghị giải quyết.

Bị đơn: Tại các bản tự khai tại Tòa án và biên bản hòa giải chị Nguyễn Thị Thu H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H1 kết hôn với anh Trần Quang H ngày 13/3/2014. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr (nay là xã Đ), huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống với gia đình anh H. Tình cảm vợ chồng bước đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc và chị sinh con, đến tháng 6/2014 anh H đi nước Nga. Trong thời gian ở nước Nga anh H không quan tâm đến chị và con chung, nên tình cảm vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đến tháng 8/2016 chị H1 đã đưa con về nhà mẹ đẻ bà (Lương Thị D) sinh sống, từ đó vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm không thể hàn gắn được. Nay chị đồng ý ly hôn với anh Trần Quang H.

Từ tháng 3/2017 chị đi làm tại Công ty TNHH – HCH BUSHO tại Hà Nội mức lương thu nhập 7.000.000đ/ 1 tháng, trong thời gian đi làm chị gửi con cho mẹ đẻ chị bà Lương Thị D chăm sóc, đến cuối tuần chị về thăm con.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 người con chung là cháu Trần Minh T, sinh ngày 14/5/2014 đang ở với chị. Hiện nay cháu T đang học tại trường Mầm non Đ (Thuộc xã Đ), huyện Thanh Thủy, từ khi cháu T đi học lớp 2 tuổi đến học lớp 5 tuổi, tiền đóng học phí cho cháu T là chị H1 và bà (B) mẹ đẻ anh H đóng, tiền ăn từ năm học lớp 2 tuổi đến lớp 5 tuổi chị H1 đóng. Khi ly hôn chị H1 xin được nuôi cháu T và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/ 1 tháng đến năm cháu T 18 tuổi, anh H cấp dưỡng 1 lần số tiền 144.000.000đ

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu H1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung vợ chồng, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị Thu H1 không đề nghị giải quyết.

Tại bản tự khai bà Nguyễn Thị B là mẹ đẻ anh Trần Quang H trình bày:

Năm 2014 gia đình bà tổ chức kết hôn cho anh Trần Quang H và chị Nguyễn Thị Thu H1. Sau khi kết hôn anh H chị H1 sống chung với gia đình bà, tình cảm vợ chồng anh H chị H1 chung sống hạnh phúc, chị H1 sinh con vào ngày 14/5/2014, đến tháng 6 năm 2014 anh H đi nước Nga, mẹ con chị H1 tiếp tục ở cùng với gia đình bà. Tình cảm giữa bà với chị H1 không mâu thuẫn gì. Đến tháng 2/2017 chị H1 đã bế con về nhà bà Lương Thị D mẹ đẻ chị H1 ở không hỏi ý kiến bà. Đến cuối năm 2019 anh H về nước nhưng chị H1 không về chung sống với anh H. Về kinh tế, tài sản, công nợ giữa bà B và vợ chồng anh H chị H1 không có gì vướng mắc.

Quan điểm của bà đồng ý cho anh H ly hôn chị H1. Vợ chồng anh H chị H1 có 01 con chung cháu Trần Minh T sinh năm 2014, trong thời gian anh H ở nước Nga có gửi tiền về cho bà để đóng tiền học cho cháu T, khi ly hôn bà đề nghị Tòa án giao cháu T cho anh H nuôi dưỡng.

Tại bản tự khai bà Lương Thị D là mẹ đẻ chị Nguyễn Thị Thu H1 trình bày:

Năm 2014 chị Nguyễn Thị Thu H1 kết hôn với anh Trần Quang H. Sau khi kết hôn anh H chị H1 sống chung với gia đình nhà chồng, tình cảm vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, vào tháng 6 năm 2014 anh H đi nước Nga, chị H1 tiếp tục ở cùng với gia đình anh H và sinh con. Đến tháng 8/2016 do vợ chồng mâu thuẫn chị H1 đã bế con về sống chung với gia đình bà, trong thời gian chị H1 ở gia đình bà anh H không hỏi han gì và không gửi tiền về cho chị H1 nuôi con, gia đình bà đã phải chăm nuôi mẹ con chị H1. Đến tháng 3/2017 chị H1 đi làm Công ty ở Hà Nội đã gửi con cho gia đình bà chăm sóc đến cuối tuần mới về. Cháu T bị sút môi bẩm sinh, năm 2015, 2016 và năm 2017 chị H1 và bà đã đưa cháu T đi mổ phẫu thuật môi tại bệnh viện nhi Trung ương. Toàn bộ tiền khám bệnh, tiền mổ phẫu thuật do chị H1 và gia đình bà chi phí, anh H không đưa tiền để chữa cho cháu T. Từ khi cháu T học lớp 2 tuổi đến năm học lớp 5 tuổi, tiền đóng học phí cho cháu T là do chị H1 và bà B mẹ đẻ anh H nộp, còn tiền ăn, thời gian đưa, đón cháu đi học do chị H1 và gia đình bà thực hiện. Quan điểm của bà toàn bộ tiền chi phí mổ phẫu thuật và thời gian đưa, đón cháu T đi học là do gia đình bà tự nguyện. Nay anh H chị H1 ly hôn bà không yêu cầu gì.

Tại biên bản xác minh ngày 18/6/2020 tại UBND xã Đ, huyện Thanh Thủy cung cấp cho Tòa án như sau: Anh Trần Quang H và chị Nguyễn Thị Thu H1 kết hôn với nhau có đăng ký tại UBND Tr (Nay là xã Đ), huyện Thanh Thủy, trong cuộc sống vợ chồng anh H chị H1 có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng anh H chị H1 có 01 con chung hiện nay cháu đang ở với chị H1. Quan điểm của UBND xã đề nghị Tòa án giải quyết vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho phụ nữ và trẻ em.

Tại biên bản xác minh ngày 18/6/2020 tại Hội liên hiệp Phụ nữ xã Đ, huyện Thanh Thủy cung cấp cho Tòa án như sau: Anh Trần Quang H và chị Nguyễn Thị Thu H1 kết hôn với nhau có đăng ký tại UBND Tr (Nay là xã Đ), huyện Thanh Thủy, trong cuộc sống vợ chồng anh H chị H1 có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng anh H chị H1 có 01 con chung hiện nay cháu đang ở với chị H1. Quan điểm của Hội Phụ nữ đề nghị Tòa án giải quyết vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho phụ nữ và trẻ em. Hiện nay cháu T còn nhỏ và đang ở với mẹ nên cần sự chăm sóc dạy dỗ của người mẹ, Hội Phụ nữ đề nghị Tòa án xem xét giao cháu T cho chị H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Tại biên bản xác minh ngày 18/6/2020 tại Trường Mầm non Đồng Luận xã Đ, huyện Thanh Thủy cung cấp cho Tòa án như sau:

Cháu Trần Minh T, sinh ngày 1x/4/2014 hiện nay đang là học sinh lớp 5 tuổi A3 tại Trường Mầm non Đồng Luận. Từ năm cháu T học lớp 3 tuổi đến lớp 5 tuổi tiền học phí của cháu đã đóng là 9.000.000đ, chị Nguyễn Thị Thu H1 đóng 1.000.000đ, bà Nguyễn Thị B (mẹ anh H) đóng 8.000.000đ, năm cháu T học lớp 3 tuổi bà B nộp tiền mua phiếu ăn cho cháu T 500.000đ. Số tiền ăn của cháu T từ đó đến nay do chị H1 nộp. Việc đưa, đón cháu T đi học từ năm học lớp 3 tuổi đến nay đều do chị H1 và bà D (Mẹ chị H1) đưa đón. Năm 2016, 2017 và năm 2018 cháu T đều có thời gian xin nghỉ học đi chữa bệnh mổ phẫu thuật vá môi hở hàm ếch bẩm sinh tại Bệnh viện Nhi Trung ương. Sau khi phẫu thuật xong cháu trở lại đi học bình thường.

Tại Công văn số 52/CV- HPN ngày 23/6/2020 của Hội phụ nữ huyện Thanh Thủy có quan điểm về việc giải quyết vụ án ly hôn giữa anh Trần Quang H và chị Nguyễn Thị Thu H1. Hội phụ nữ đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy giải quyết vụ án ly hôn giữa anh H và chị H1 theo quy định của pháp luật, khi xét xử cần quan tâm đặc biệt đến quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em. Vì trong quá trình phát triển của trẻ em cần có sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ để đảm bảo cho sự phát triển về tâm, sinh lý và quyền lợi của trẻ em.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:** Luật sư ông Vũ Đình Trung trình bày:

Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết về ly hôn, con chung của vợ chồng anh Trần Quang H và chị Nguyễn Thị Thu H1.

Xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Quang H và chị Nguyễn Thị Thu H1.

Con chung: Đề nghị HĐXX giao cháu Trần Minh T, sinh ngày 1x/4/2014 cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu T thành niên. Theo nguyện vọng của anh H.

Tài sản chung, nợ chung các bên không đề nghị giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc nhận đơn, phân công Thẩm phán giải quyết vụ án được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán tiến hành thụ lý vụ án, triệu tập đương sự đến Tòa án giải quyết, điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành tham, thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự và đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa sơ thẩm.

Đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 55 Điều 58, Điều 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 - Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 - Bộ luật tố tụng Dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Quang H và chị Nguyễn Thị Thu H1.

Về con chung vợ chồng: Cháu Trần Minh T, sinh ngày 1x/4/2014 hiện nay còn nhỏ và đang được chị H1 chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn cần tiếp tục giao cháu T cho chị H1 được nuôi dưỡng, anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật, tiền cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng đến khi cháu T thành niên, anh H không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh H và chị H1 không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Trần Quang H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp, bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa án và được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang H và chị Nguyễn Thị Thu H1 kết hôn ngày 13/3/2014. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr (Nay là xã Đ), huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh H và chị H1 chung sống tại gia đình anh H tại xã Đ, huyện Thanh Thủy. Tình cảm vợ chồng bước đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến tháng 6/2014 anh H đi nước Nga. Trong thời gian ở nước Nga anh H, chị H1 đã xảy ra mâu thuẫn, đến tháng 8/2016 chị H1 đã đưa con về nhà mẹ đẻ bà (Lương Thị D) sinh sống. Đến tháng 12/2019 anh H trở về nước nhưng vợ chồng không hàn gắn được tình cảm, hai người đã sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm gì đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Tại phiên tòa hôm nay anh H và chị H1 đều xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H và chị H1 đều đề nghị được ly hôn. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh H và chị H1. Xử công nhận sự thuận tình ly hôn của anh H và chị H1 là phù hợp với Điều 55 luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh Trần Quang H và chị Nguyễn Thị Thu H1 xác nhận có 01 con chung cháu Trần Minh T, sinh ngày 1x/4/2014. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh H và chị H1 đều có nguyện vọng được nuôi con, chị H1 đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/ 1 tháng đến khi cháu T thành niên. Anh H đề nghị được nuôi con không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H và chị H1 đã cung cho Tòa án về mức thu nhập cá nhân cụ thể: Anh H trình bày anh làm nghề lao động tự do, không có bảng lương nhưng mức thu nhập 10.000.000đ /1tháng. Chị H1 đã cung cấp bảng lương mức thu nhập 7.000.000đ/ 1 tháng. Xét về điều kiện việc làm, thu nhập của anh H và chị H1 đều có mức thu nhập trung bình, hai bên có thể đảm bảo cuộc sống cho bản thân và khả năng nuôi con. Tuy nhiên hiện nay cháu T còn nhỏ dưới 7 tuổi đang được chị H1 chăm sóc nuôi dưỡng từ khi mới sinh ra đến nay, cháu bị mắc bệnh bẩm sinh phải đi mổ phẫu thuật nhiều lần, sau khi phẫu thuật sức khỏe cháu yếu thường xuyên bị ốm đau. Hiện nay cháu có cuộc sống ổn định và đang học trường mầm non Đồng Luận. Tại xã Đ, huyện Thanh Thủy. Để đảm bảo tính ổn định và sự phát triển bình thường về thể chất, tâm sinh lý của cháu T, cần có sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ, giáo dục của người mẹ. Do đó, HĐXX xét thấy cần tiếp tục giao cháu T cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị H1 đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi cháu T 1.000.000/1 tháng đến năm cháu 18 tuổi và yêu cầu anh H cấp dưỡng 1 lần là 144.000.000đ. Anh H không đồng ý theo yêu cầu của chị H1.

Tại phiên tòa hôm nay chị H1 và anh H đã thỏa thuận được cấp dưỡng nuôi cháu T 1.000.000/1 tháng đến năm cháu 18 tuổi và cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng. Do vậy, HĐXX công nhận sự thỏa thuận của anh H và chị H1 về việc cấp dưỡng được quy định tại Điều 116 và Điều 117 – Luật Hôn nhân và gia đình. Anh H

không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay H và chị H1 không đề nghị giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Trần Quang H phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58; 81; 82; 83; 110; 116; 117 - Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 - Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Trần Quang H về việc xin ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H1.

Về hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Quang H và chị Nguyễn Thị Thu H1.

Về con chung: Giao cháu Trần Minh T, sinh ngày 1x/4/2014 cho chị Nguyễn Thị Thu H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T đến khi thành niên. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T 1.000.000đ (Một triệu đồng) 1 tháng, cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T thành niên, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị H1 có đơn yêu cầu thi hành án mà anh H không tự nguyện thi hành án thì hàng tháng anh H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357- BLDS năm 2015.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Quang H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận anh H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số AA/2017/0001745 ngày 9/3/2020, tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ được chuyển thành án phí ly hôn. Tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Thủy, Tỉnh
- THADS huyện Thanh Thủy
- UBND xã Đ
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn
- Các đ-ơng sự
- L- u hồ sơ - VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Khoa Hương